

Genie® GS™ -2032

Thông số kỹ thuật

Model	GS-2032	
Thông số kích thước	Hệ Mỹ (US)	Hệ Mét
Chiều cao làm việc tối đa - trong nhà ¹	26 ft 1 in	8.13 m
Chiều cao làm việc tối đa - ngoài trời ¹	22 ft	6.88 m
A Chiều cao sàn tối đa - trong nhà	20 ft 1 in	6.13 m
A Chiều cao sàn tối đa - ngoài trời	16 ft	4.88 m
B Chiều cao sàn khi xếp gọn	3 ft 6 in	1.07 m
C Chiều dài sàn - bên ngoài	7 ft 5 in	2.27 m
C Chiều dài sàn - mở rộng	10 ft 5 in	3.18 m
Chiều dài sàn mở rộng dạng kéo (bản trượt)	3 ft	0.91 m
D Chiều rộng sàn - bên ngoài	2 ft 8 in	0.81 m
Chiều cao lan can	3 ft 7 in	1.1 m
Chiều cao tấm chắn chân	6 in	15 cm
E Chiều cao máy khi xếp gọn - lan can gập	7 ft 2 in	2.17 m
Chiều cao máy khi xếp gọn - lan can hạ xuống	5 ft 11 in	1.8 m
F Chiều dài máy - khi xếp gọn	8 ft	2.44 m
F Chiều dài máy - khi mở rộng sàn	10 ft 11 in	3.33 m
G Chiều rộng máy	2 ft 8 in	0.81 m
H Khoảng cách trục bánh xe	6 ft 1 in	1.85 m
I Khoảng sáng gầm (trung tâm) - khi thu thanh bảo vệ ổ gà	5 in	12 cm
I Khoảng sáng gầm - khi hạ thanh bảo vệ ổ gà	0.9 in	2.3 cm

Hiệu suất làm việc

Số lượng người tối đa trên sàn (trong nhà/ngoài trời)	2/1	
Sức nâng tối đa	800 lbs	363 kg
Sức nâng - khi sàn mở rộng	250 lbs	113 kg
Chiều cao di chuyển tối đa	Toàn bộ chiều cao (full height)	
Tốc độ di chuyển - khi xếp gọn	2.0 mph	3.2 km/h
Tốc độ di chuyển - khi nâng lên	0.5 mph	0.8 km/h
Khả năng leo dốc - khi xếp gọn ²	25%	
Bán kính quay xe - bên trong	0 (zero)	
Bán kính quay xe - bên ngoài	7 ft	2.13 m
Tốc độ nâng / hạ	41 / 33 giây	
Cảm biến nghiêng kích hoạt - trước ra sau	3°	
Cảm biến nghiêng kích hoạt - bên này sang bên kia	1.5°	
Hệ thống điều khiển	Tỷ lệ thuận (proportional)	
Hệ thống truyền động	Truyền động thủy lực: Thủy lực kép, bánh trước Hệ E-Drive: Điện xoay chiều kép AC, bánh trước	
Hệ thống phanh	Truyền động thủy lực: Thủy lực kép, bánh sau Hệ E-Drive: Điện xoay chiều kép AC, bánh trước	
Lốp xe - lốp đặc không để lại vết	15 x 5 in	38 x 13 cm

Nguồn điện

Nguồn cấp	24 V DC (4 bình 6V)	
Dung tích bình chứa thủy lực	Truyền động thủy lực: 4.5 gal / 17 L Hệ E-Drive: 4.0 gal / 15.1 L	

Trọng lượng³ / Tải trọng sàn⁴

Trọng lượng - ANSI, CSA, CE	4,038 lbs	1,832 kg
Tải trọng lốp tối đa	1,692 lbs	767 kg
Áp lực tiếp xúc của lốp	111 psi	766 kPa
Áp lực sàn khi chịu tải	247 psf	11.82 kPa

Tiêu chuẩn áp dụng

Đáp ứng tiêu chuẩn	ANSI A92.20, CSA B354.6, CE EN280, AS 1418.10	
--------------------	---	--

- (1) Chiều cao làm việc tương đương ở hệ mét bằng chiều cao sàn cộng thêm 2 m. Ở hệ Mỹ (U.S.), chiều cao này bằng chiều cao sàn cộng thêm 6 ft.
(2) Khả năng leo dốc áp dụng khi di chuyển trên các bề mặt nghiêng/dốc, vui lòng tham khảo sổ tay hướng dẫn vận hành để biết thêm chi tiết về các thông số xếp hạng độ dốc.
(3) Trọng lượng máy sẽ thay đổi tùy thuộc vào các tùy chọn cấu hình và/hoặc tiêu chuẩn của từng quốc gia.
(4) Lưu ý: Thông tin về tải trọng sàn chỉ mang tính chất xấp xỉ và không bao gồm các cấu hình tùy chọn khác nhau. Thông tin này chỉ nên được sử dụng khi đã tính đến các hệ số an toàn phù hợp.

